

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09-8-2022

V/v “Ly hôn, Tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiên Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Lô

Ông Nguyễn Văn Còn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Mãi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm 2000; Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quốc Th, sinh năm 1997; Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/5/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lê Thị Ngọc H trình bày: Bà và ông Nguyễn Quốc Th tự tìm hiểu nhau được vài tháng thì gia đình hai bên có tổ chức lễ ăn hỏi. Sau đó, bà và ông Th có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 20/12/2021 theo quy định của pháp luật. Thời gian

đầu, vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc. Sau lễ ăn hỏi, bà và ông Th không sống chung với nhau. Bà vẫn sống với cha mẹ ruột ở xã Đức Tân, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Ông Th bỏ mặc và không quan tâm đến bà. Tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không đạt được mục đích của hôn nhân. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Quốc Th.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông Th có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Kim Y, sinh ngày 26/02/2022. Hiện tại, con chung đang do bà nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Bà xác định bà và ông Th không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà xác định bà và ông Th không có nợ ai.

Trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn là ông Nguyễn Quốc Th được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc bà H yêu cầu được ly hôn với ông Th, nhưng ông Th vẫn vắng mặt không có văn bản ý kiến trình bày đối với các yêu cầu khởi kiện của bà H.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật; Không tiến hành hòa giải được do ông Th luôn vắng mặt và bà H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Quốc Th. Ông Th hiện đang cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn là bà Lê Thị Ngọc H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn là ông Nguyễn Quốc Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Lê Thị Ngọc H:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà H và ông Th tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 38/2021 đăng ký ngày 20/12/2021 do Ủy ban nhân dân xã Đức Tân, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An cấp, nên xác định hôn nhân giữa bà H và ông Th là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống giữa bà H và ông Th đã phát sinh mâu thuẫn với những nguyên nhân do bà H trình bày. Ông Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án biết được việc bà H yêu cầu được ly hôn với ông Th tại Tòa án nhưng vẫn không có ý kiến, luôn vắng mặt, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn tình cảm giữa bà H và ông Th là có thật, quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, việc bà H yêu cầu được ly hôn với ông Th là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận, xử cho bà H được ly hôn với ông Th là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.2] Về nuôi con chung: Theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "...Vợ, chồng được quyền thỏa thuận người trực tiếp nuôi con...; Nếu con từ 07 (bảy) tuổi trở lên thì xem xét nguyện vọng của con...". Tại thời điểm xét xử, con chung tên là Nguyễn Thị Kim Y, sinh ngày 26/02/2022 chưa đủ 07 tuổi, nên Tòa án không lấy ý kiến nguyện vọng của con chung muốn sống với ai. Ông Th luôn vắng mặt, nên các bên không thể thỏa thuận việc nuôi con chung. Xét thấy, hiện tại con chung đang do bà H trực tiếp nuôi dưỡng, dưới 36 tháng tuổi và đang có cuộc sống ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, vì lợi ích của con chung, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, trong học tập sau này nên cần giao cháu Y cho bà H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

[4.3] Về chia tài sản: Do ông Th cố tình vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Bà H xác định giữa bà H và ông Th không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên có phát sinh tranh chấp về tài sản sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[4.4] Về nợ chung: Do ông Th cố tình vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Bà H xác định bà H và ông Th không có nợ ai, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên có phát sinh tranh chấp về nợ chung sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Buộc bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với ông Nguyễn Quốc Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Quốc Th.

2. Về nuôi con chung: Bà Lê Thị Ngọc H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Thị Kim Y, sinh ngày 26/02/2022. Ông Nguyễn Quốc Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Buộc bà Lê Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà Nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007330 ngày 24/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Bà Lê Thị Ngọc H đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Long An; (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Tiên Phương